

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán	05-07
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	09
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 69/UBCK-GPHDKD ngày 28 tháng 08 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị tại ngày lập báo cáo như sau:

1	Lê Văn Minh	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/04/2010
2	Đoàn Ngọc Hoàn	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 10/02/2007
3	Ngô Văn Bình	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/02/2011
4	Lê Tăng Đức	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/04/2010
5	Hoàng Đức Hiền	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/02/2011

Ban Tổng giám đốc

Thành viên ban giám đốc tại ngày lập báo cáo như sau:

1	Đoàn Ngọc Hoàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/02/2007
2	Ngô Anh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/09/2007
3	Bùi Quang Kỳ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/02/2011

Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát tại ngày lập báo cáo như sau:

1	Đỗ Thị Hồng	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 25/04/2010
2	Phạm Thị Ánh Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 22/04/2012
3	Đỗ Chí Thường	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 22/04/2012
4	Trần Công Văn	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 22/04/2012
5	Phạm Hùng Sơn	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 22/04/2012

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam đã được soát xét bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM
Tầng 1, toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

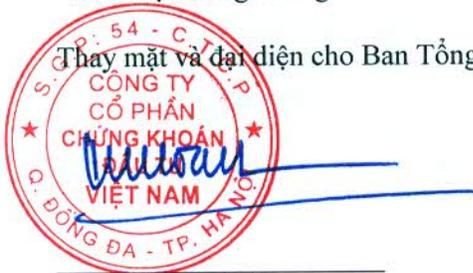
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Hoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2012

Số: 1676/BCKT-TC/NV5

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo Tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012
đến 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam lập ngày 14 tháng 07 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra nhận xét về các Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam tại ngày 30/06/2012, cũng như kết quả kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ, cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Ngô Quang Tiên
Phó Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0448/KTV



Nguyễn Việt Long
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0692/KTV

Thay mặt và đại diện cho
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**
Hà Nội, Ngày 27 tháng 07 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	TM	30/06/2012	Đơn vị tính: VND 01/01/2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		149,604,141,441	142,771,121,589
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	58,634,140,773	35,231,682,315
111	1. Tiền		58,634,140,773	35,231,682,315
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.03	21,624,503,703	15,871,039,670
121	1. Đầu tư ngắn hạn		22,248,453,937	19,561,568,636
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(623,950,234)	(3,690,528,966)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	V.04	66,346,982,228	89,789,178,965
131	1. Phải thu khách hàng		-	-
132	2. Trả trước cho người bán		326,327,000	242,282,700
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		59,285,740,017	83,319,093,275
138	5. Các khoản phải thu khác		7,319,087,625	6,294,684,017
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(584,172,414)	(66,881,027)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2,998,514,737	1,879,220,639
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		381,964,172	114,907,420
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	V.05	9,559,546	115,678,627
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.06	-	171,528,690
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		-	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	V.07	2,606,991,019	1,477,105,902
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		69,641,462,981	52,624,643,450
220	II. Tài sản cố định		23,467,003,914	26,419,401,603
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	4,987,815,809	5,903,862,051
222	- Nguyên giá		15,116,132,522	15,066,282,522
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(10,128,316,713)	(9,162,420,471)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.09	18,479,188,105	20,515,539,552
228	- Nguyên giá		30,107,626,930	30,107,626,930
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(11,628,438,825)	(9,592,087,378)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	V.03	42,000,000,000	22,000,000,000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		22,000,000,000	22,000,000,000
258	4. Đầu tư dài hạn khác		20,000,000,000	-
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		4,174,459,067	4,205,241,847
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10	1,293,821,914	1,615,740,244
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán		2,401,667,153	2,047,831,603
268	4. Tài sản dài hạn khác	V.11	478,970,000	541,670,000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		219,245,604,422	195,395,765,039

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2012	01/01/2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		56,408,808,245	33,747,382,199
310	I. Nợ ngắn hạn		56,405,550,310	33,744,124,264
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2. Phải trả người bán		1,477,754,378	1,447,563,252
313	3. Người mua trả tiền trước		133,000,000	118,000,000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	253,522,279	53,641,020
315	5. Phải trả người lao động		529,853,951	305,418,068
316	6. Chi phí phải trả		994,058,918	846,625,208
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.13	1,241,237,163	1,236,989,240
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	V.14	47,965,211,118	28,016,833,095
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		101,416,400	73,900
322	11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		1,000	1,000
323	12. Quỹ khen thưởng phúc lợi		45,346,483	65,346,483
327	13. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ		-	-
328	14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.15	3,664,148,620	1,653,632,998
329	15. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II. Nợ dài hạn		3,257,935	3,257,935
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		3,257,935	3,257,935
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
359	10. Dự phòng bồi thường thiệt hại chợ nhà đầu tư		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		162,836,796,177	161,648,382,840
410	I. Vốn chủ sở hữu		162,836,796,177	161,648,382,840
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161,000,000,000	161,000,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		271,963,694	271,963,694
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		271,963,694	271,963,694
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1,292,868,789	104,455,452
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		219,245,604,422	195,395,765,039

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	30/06/2012	01/01/2012
001	1. Tài sản cố định thuê ngoài	-	-
002	2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	-	-
003	3. Tài sản nhận ký cược	-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
005	5. Ngoại tệ các loại	-	-
006	6. Chứng khoán lưu ký	654,904,710,000	630,399,020,000
Trong đó:			
007	6.1 Chứng khoán giao dịch	621,248,690,000	585,549,750,000
008	6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
009	6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	621,248,690,000	585,549,750,000
010	6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
011	6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
012	6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	16,554,170,000	32,538,170,000
013	6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	16,554,170,000	32,538,170,000
014	6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	-	-
015	6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
016	6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
017	6.3 Chứng khoán cầm cố	-	-
018	6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	-	-
019	6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	-	-
020	6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	-
021	6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	-	-
027	6.5 Chứng khoán chờ thành toán	17,101,850,000	12,311,100,000
028	6.5.1 Chứng khoán chờ thành toán của thành viên lưu ký	17,101,850,000	12,311,100,000
029	6.5.2 Chứng khoán chờ thành toán của khách hàng trong nước	-	-
030	6.5.3 Chứng khoán chờ thành toán của khách hàng nước ngoài	-	-
031	6.5.4 Chứng khoán chờ thành toán của tổ chức khác	-	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	-	-
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	1,916,750,000	25,550,500,000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	-	-
084	10. Chứng khoán nhận uỷ thác đầu giá	-	-



Tổng Giám đốc
Đoàn Ngọc Hoàn
Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng
Bùi Quang Kỹ

Người lập biểu
Dương Thu Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Kỳ này	Kỳ trước
01	1. Doanh thu	VI.16	16,620,105,228	22,554,462,442
	<i>Trong đó</i>		-	-
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		4,456,664,804	4,027,874,389
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		1,738,674,431	534,582,645
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	-
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	-
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		182,272,728	344,772,730
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		-	-
01.7	- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá		-	-
01.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		1,294,361,826	1,540,476,442
01.9	- Doanh thu khác		8,948,131,439	16,106,756,236
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		16,620,105,228	22,554,462,442
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	VI.17	2,691,481,924	6,693,666,776
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		13,928,623,304	15,860,795,666
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		12,203,830,496	14,298,495,704
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1,724,792,808	1,562,299,962
31	8. Thu nhập khác	VI.18	10,204,069	132,760,312
32	9. Chi phí khác	VI.19	3,089,292	186,299,795
40	10. Lợi nhuận khác		7,114,777	(53,539,483)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1,731,907,585	1,508,760,479
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.20	543,494,248	340,763,297
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>1,188,413,337</u>	<u>1,167,997,182</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.21	74	73



Tổng Giám đốc
Đoàn Ngọc Hoàn
Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng
Bùi Quang Kỳ

Người lập biểu
Đương Thu Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	1,731,907,585	1,508,760,479
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định	3,002,247,689	3,156,422,600
03	- Các khoản dự phòng	(2,549,287,345)	1,139,442,921
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(8,948,131,439)	(16,023,859,990)
06	- Chi phí lãi vay	-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(6,763,263,510)	(10,219,233,990)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	23,407,307,652	52,113,022,543
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	-	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	22,535,111,120	(67,781,229,099)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	54,861,578	344,598,283
13	- Tiền lãi vay đã trả	-	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	245,650,632	(1,502,311,619)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	5,027,001,782	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	-	(434,886,659)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	44,506,669,254	(27,480,040,541)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(49,850,000)	(1,453,370,430)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(35,000,000,000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	5,000,000,000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	9,055,139,204	16,228,667,454
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(20,994,710,796)	14,775,297,024
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	-	(35,000,000,000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(109,500,000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(109,500,000)	(35,000,000,000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	23,402,458,458	(47,704,743,517)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	35,231,682,315	83,741,368,871
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	58,634,140,773	36,036,625,354



Tổng Giám đốc
Đoàn Ngọc Hoàn

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2012

Kế toán trưởng
Bùi Quang Kỳ

Người lập biểu
Dương Thu Hà

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Chi tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ		Đơn vị tính: VND	
	TM	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước		Kỳ này
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm			
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161,000,000,000	161,000,000,000	-	-	-	-	161,000,000,000	161,000,000,000	
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-	
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-	
4. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	271,963,694	271,963,694	-	-	-	271,963,694	271,963,694	
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	271,963,694	271,963,694	-	-	-	271,963,694	271,963,694	
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-	
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5,439,273,871	104,455,452	104,455,452	5,439,273,871	1,188,413,337	-	104,455,452	1,292,868,789	
10. Lợi nhuận chưa phân phối		166,439,273,871	161,648,382,840	648,382,840	5,439,273,871	1,188,413,337	-	161,648,382,840	162,836,796,177	
Cộng										



Tổng Giám đốc
Đoàn Ngọc Hoàn
Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2012

[Handwritten signature]

Kế toán trưởng
Bùi Quang Kỳ

[Handwritten signature]

Người lập biểu
Dương Thu Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 08 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 1, toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội và các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hoá, Đồng Nai và Nghệ An.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007 và Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 161.000.000.000 đồng (Một trăm sáu một tỷ đồng), tương đương 16.100.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính và thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán; Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi

theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao đang được Công ty xác định theo thời gian còn lại của TSCĐ và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	02-05 năm
- Phương tiện vận tải	06-08 năm
- Phần mềm	05-08 năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính năm hoặc tại ngày kết thúc năm tài chính giữa niên độ.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoặc chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu thập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	<u>30/06/2012</u>	<u>1/1/2011</u>
Tiền mặt	328,572,476	282,118,999
Tiền gửi ngân hàng	58,063,997,995	24,064,862,508
<i>Của Công ty</i>	<i>1,098,882,385</i>	<i>4,163,469,042</i>
<i>Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	<i>56,965,115,610</i>	<i>19,901,393,466</i>
Tiền đang chuyển	-	-
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	-	-
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	241,570,302	10,884,700,808
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>58,634,140,773</u>	<u>35,231,682,315</u>

2 . Giá trị, khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
<i>a) Cửa công ty chứng khoán</i>	278,430	7,552,850,299
- Cổ phiếu	278,430	7,552,850,299
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác		
<i>b) Cửa nhà đầu tư</i>	259,660,815	2,340,776,924,600
- Cổ phiếu	259,403,115	2,338,754,383,600
- Trái phiếu	257,700	2,022,541,000
- Chứng khoán khác		
Tổng cộng	259,939,245	2,348,329,774,899

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM
Tầng 1, toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2012

3. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số sách		Số với giá trị thị trường						Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Tăng	Giảm		Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	
						Cuối kỳ	Đầu kỳ					
I. Chứng khoán thương mại	535,543	852,960	22,248,453,937	19,561,568,636	-	-	623,950,234	3,690,528,966	623,950,234	3,690,528,966	21,623,503,703	15,870,039,670
- Cổ phiếu Cty Niêm yết	55,542	372,959	1,156,433,937	8,469,548,636	-	-	623,950,234	3,690,528,966	623,950,234	3,690,528,966	532,483,703	4,779,019,670
HT1	10,000	10,000	207,866,000	207,866,000	-	-	154,866,000	178,866,000	154,866,000	178,866,000	53,000,000	29,000,000
VCG	28,603	17,162	654,645,400	540,235,400	-	-	325,710,900	387,493,600	325,710,900	387,493,600	328,934,500	152,741,800
Các cổ phiếu khác	16,939	345,797	293,922,537	7,721,447,236	-	-	143,373,334	3,124,169,366	143,373,334	3,124,169,366	150,549,203	4,597,277,870
- Cổ phiếu Cty chưa Niêm yết (*)	480,000	480,000	11,091,020,000	11,091,020,000	-	-	-	-	-	-	11,091,020,000	11,091,020,000
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam	50,000	50,000	525,000,000	525,000,000	-	-	-	-	-	-	525,000,000	525,000,000
Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,000	30,000	966,020,000	966,020,000	-	-	-	-	-	-	966,020,000	966,020,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh	400,000	400,000	9,600,000,000	9,600,000,000	-	-	-	-	-	-	9,600,000,000	9,600,000,000
- Trái phiếu	1	1	1,000,000	1,000,000	-	-	-	-	-	-	-	-
UNI	1	1	1,000,000	1,000,000	-	-	-	-	-	-	-	-
II. Đầu tư khác			10,000,000,000	10,000,000,000	-	-	-	-	-	-	10,000,000,000	10,000,000,000
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần Trường Thi Thanh Hoá (ngắn hạn)	-	-	10,000,000,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-

3. Tình hình đầu tư tài chính (tiếp)

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Ghi chú
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	
III. Đầu tư góp vốn	2,200,000	1,700,000	22,000,000,000	22,000,000,000	
- Đầu tư vào công ty con					
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1,700,000	1,700,000	17,000,000,000	17,000,000,000	
Cty CP ĐTXD&TM Điện lực Miền Bắc	500,000		5,000,000,000	5,000,000,000	
Cty CP tư vấn &ĐT Rồng vàng			20,000,000,000		
IV. Đầu tư dài hạn khác					
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần Trường Thi Thanh Hoá (dài hạn)	-	-	20,000,000,000	-	

(*) Ghi chú:

Số lượng 480.000 cổ phiếu OTC ở trên tương ứng 11.091.020.000 đồng là những cổ phiếu chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Do không thể thu thập được giá thị trường của các loại cổ phiếu này nên giá trị của các loại cổ phiếu này được phản ánh theo giá trị trên sổ sách kế toán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM
Tầng 1, toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

4. Các khoản phải thu

Chi tiêu	Số đầu kỳ			Số phát sinh			Số cuối kỳ		
	Tổng số	Số quá hạn	Số dự phòng	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số dự phòng	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	
1. Phải thu của khách hàng và trả trước người bán	242,282,700	-		188,243,550	104,199,250	326,327,000	48,138,500	42,927,500	
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	83,319,093,275	-	-	1,030,252,159,298	1,054,285,512,556	59,285,740,017			
- Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK									
- Phải thu khách hàng về GDCK	82,422,337,175			1,030,036,659,298	1,054,059,012,556	58,399,983,917			
+ Phải thu khách hàng về nghiệp vụ góp vốn chứng khoán	73,758,948,877			380,445,860,064	420,388,105,037	33,816,703,904			
+ Phải thu khách hàng về dịch vụ hỗ trợ khách hàng	8,597,607,271			649,590,799,234	633,670,907,519	24,517,498,986			
+ Phải thu khác của khách hàng	65,781,027				-	65,781,027			
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	896,756,100			215,500,000	226,500,000	885,756,100			
- Phải thu trung tâm lưu ký chứng khoán									
- Phải thu thành viên khác									
3. Phải thu nội bộ	-								
4. Phải thu khác	6,294,684,017	66,881,027	66,881,027	37,447,068,589	36,422,664,981	7,319,087,625	584,163,914	541,244,914	
Tổng cộng	89,856,059,992	66,881,027	66,881,027	1,067,887,471,437	1,090,812,376,787	66,931,154,642	632,302,414	584,172,414	

5 . Thuế GTGT được khấu trừ

	30/06/2012	01/01/2012
Thuế GTGT được khấu trừ	9,559,546	115,678,627
Cộng	9,559,546	115,678,627

6 . Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/06/2012	01/01/2012
Thuế TNDN nộp thừa	-	171,528,690
Cộng	-	171,528,690

7 . Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	15,000,000	15,000,000
Tạm ứng	2,591,991,019	1,462,105,902
Cộng	2,606,991,019	1,477,105,902

8 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	8,561,691,688	4,989,099,600	-	1,515,491,234	15,066,282,522
- Mua trong kỳ	18,500,000	-	-	31,350,000	49,850,000
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	8,580,191,688	4,989,099,600	-	1,546,841,234	15,116,132,522
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	7,036,352,167	1,015,521,001	-	1,110,547,303	9,162,420,471
- Khấu hao trong kỳ	384,125,230	377,861,469	-	203,909,543	965,896,242
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	7,420,477,397	1,393,382,470	-	1,314,456,846	10,128,316,713
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	1,525,339,521	3,973,578,599	-	404,943,931	5,903,862,051
Tại ngày 30/06/2012	1,159,714,291	3,595,717,130	-	232,384,388	4,987,815,809

- Tổng nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng là:

5,875,340,874 đồng

9 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Phần mềm website	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	-	29,557,626,930	550,000,000	-	30,107,626,930
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	-	29,557,626,930	550,000,000	-	30,107,626,930
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	-	9,133,448,487	458,638,891	-	9,592,087,378
- Khấu hao trong kỳ	-	1,981,351,447	55,000,000	-	2,036,351,447
Tại ngày 30/06/2012	-	11,114,799,934	513,638,891	-	11,628,438,825
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	-	20,424,178,443	91,361,109	-	20,515,539,552
Tại ngày 30/06/2012	-	18,442,826,996	36,361,109	-	18,479,188,105

10 . Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2012	01/01/2012
Chi phí trả trước dài hạn chi nhánh Nghệ An	55,442,502	59,497,502
Chi phí trả trước dài hạn chi nhánh Đồng Nai	301,902,264	387,047,766
Chi phí sửa chữa chi nhánh Hồ Chí Minh	281,182,262	210,136,635
Chi phí công cụ dụng cụ	110,278,935	263,773,971
Chi phí trước thành lập	545,015,951	695,284,370
Cộng	1,293,821,914	1,615,740,244

11 . Tài sản dài hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
Ký cược, ký quỹ dài hạn	478,970,000	541,670,000
Cộng	478,970,000	541,670,000

12 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2012	01/01/2012
Thuế giá trị gia tăng	-	141,963
Thuế thu nhập doanh nghiệp	126,314,926	-
Thuế thu nhập cá nhân	15,241,653	1,412,395
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	111,965,700	52,086,662
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	253,522,279	53,641,020

13 . Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
Kinh phí công đoàn	142,769,550	134,454,107
Bảo hiểm xã hội	116,067,659	92,656,694
Bảo hiểm y tế	23,889,977	20,388,587
Bảo hiểm thất nghiệp	8,939,488	7,217,888
Phải trả phải nộp khác	949,570,489	982,271,964
Cộng	1,241,237,163	1,236,989,240

14 . Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Phải trả Sở giao dịch chứng khoán	10,479,685,000	4,932,494,000
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán	0	-
Phải trả tổ chức và cá nhân khác	37,485,526,118	23,084,339,095
Cộng	<u>47,965,211,118</u>	<u>28,016,833,095</u>

15 . Doanh thu chưa thực hiện

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Tiền cho thuê nhà nhận trước	3,664,148,620	1,653,632,998
Cộng	<u>3,664,148,620</u>	<u>1,653,632,998</u>

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BCKQHĐKD

16 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	4,456,664,804	4,027,874,389
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1,738,674,431	534,582,645
- Doanh thu hoạt động tư vấn	182,272,728	344,772,730
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	1,294,361,826	1,540,476,442
- Doanh thu về vốn kinh doanh	8,948,131,439	16,106,756,236
Cộng	<u>16,620,105,228</u>	<u>22,554,462,442</u>

17 . Chi phí hoạt động kinh doanh

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí kinh doanh chứng khoán	5,758,060,656	6,693,666,776
Hoàn nhập dự phòng	(3,066,578,732)	-
Cộng	<u>2,691,481,924</u>	<u>6,693,666,776</u>

18 . Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thanh lý tài sản cố định	-	99,783,549
Thu nhập khác	10,204,069	32,976,763
Cộng	<u>10,204,069</u>	<u>132,760,312</u>

19 . Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	182,679,795
Chi phí khác	-	3,620,000
Tiền phạt chậm nộp thuế	3,089,292	-
Cộng	<u>3,089,292</u>	<u>186,299,795</u>

20 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí thuế TNDN	543,494,248	340,763,297
Cộng	<u>543,494,248</u>	<u>340,763,297</u>

